

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TRUNG PHÁT TÂN
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TRUNG PHÁT TÂN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TRUNG PHAT TAN TRADING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: TRUNG PHAT TAN TRADING CO., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 3703158500

3. Ngày thành lập: 02/10/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 66/02 Đường DX072, Khu phố 5, Phường Định Hòa, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0799067987

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện và trừ lắp đặt các thiết bị lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hoà không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh R22 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản)	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
6.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (không hoạt động tại trụ sở)	4620
7.	Bán buôn thực phẩm (không hoạt động tại trụ sở)	4632
8.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
9.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện. Bán buôn văn phòng phẩm. Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự. Bán buôn văn phòng phẩm	4649
10.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
11.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659

12.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Bán buôn xăng dầu (trừ kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng LPG và dầu nhớt cặn)	4661
13.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn sắt, thép	4662
14.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
15.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu chi tiết: Bán buôn phụ gia chống thấm	4669
16.	Cho thuê xe có động cơ	7710(Chính)
17.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
18.	Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành	4921
19.	Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh	4922
20.	Vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác	4929
21.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
22.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
23.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (trừ kinh doanh khí hóa lỏng để vận chuyển)	4933
24.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	5011
25.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương (trừ kinh doanh khí hóa lỏng để vận chuyển)	5012
26.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
27.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa (trừ kinh doanh khí hóa lỏng để vận chuyển)	5022
28.	Xây dựng nhà để ở	4101
29.	Xây dựng nhà không để ở	4102
30.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
31.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
32.	Xây dựng công trình điện (Doanh nghiệp không cung cấp hàng hóa, dịch vụ thuộc độc quyền Nhà nước, không hoạt động thương mại theo NĐ 94/2017/NĐ-CP về hàng hóa, dịch vụ độc quyền Nhà nước)	4221
33.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
34.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
35.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
36.	Xây dựng công trình thủy	4291
37.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
38.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
39.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
40.	Phá dỡ	4311
41.	Chuẩn bị mặt bằng	4312

